

**PHỤ LỤC**

**Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 24 thửa đất ở tại nông thôn tại tổ dân phố Hữu Nghị và tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu**

*(Kèm theo Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 16/04/2026 của Chủ tịch UBND xã Phong Thổ)*

STT	Khu đất dự kiến tổ chức đấu giá	Địa chỉ thửa đất	Số tờ bản đồ	Thửa đất số	Mã đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá đất theo NQ 100/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu ngày 09/12/2025	Giá khởi điểm để đấu giá QSD đất	Ghi chú
1	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	84	11	ONT	140,0	1.800.000	252.000.000	Phố Trần Can
2	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	84	12	ONT	140,0	1.800.000	252.000.000	Phố Trần Can
3	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	90	47	ONT	105,0	1.800.000	189.000.000	Phố Trần Can
4	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	90	35	ONT	105,0	1.800.000	189.000.000	Phố Trần Can
5	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	87	100	ONT	125,7	2.200.000	276.540.000	Đường Võ Nguyên Giáp
6	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	87	101	ONT	106,0	2.200.000	233.200.000	Đường Võ Nguyên Giáp
7	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	87	102	ONT	106,0	2.200.000	233.200.000	Đường Võ Nguyên Giáp
8	Tổ dân phố Pa So	Xã Phong Thổ	95	117	ONT	105,0	3.000.000	315.000.000	Phố đi bộ
9	Tổ dân phố Pa So	Xã Phong Thổ	95	118	ONT	105,0	3.000.000	315.000.000	Phố đi bộ
10	Tổ dân phố Pa So	Xã Phong Thổ	95	119	ONT	105,0	3.000.000	315.000.000	Phố đi bộ
11	Tổ dân phố Pa So	Xã Phong Thổ	94	20	ONT	106,4	3.200.000	340.480.000	Đường Điện Biên Phủ
12	Tổ dân phố Pa So	Xã Phong Thổ	94	21	ONT	106,4	3.200.000	340.480.000	Đường Điện Biên Phủ
13	Tổ dân phố Pa So	Xã Phong Thổ	94	22	ONT	106,4	3.200.000	340.480.000	Đường Điện Biên Phủ
14	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	2	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
15	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	3	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
16	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	4	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
17	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	5	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
18	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	6	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
19	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	7	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
20	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	8	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
21	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	9	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
22	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	10	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
23	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	11	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
24	Tổ dân phố Hữu Nghị	Xã Phong Thổ	88	12	ONT	100,0	1.800.000	180.000.000	Phố Tô Vĩnh Diện
	<b>Tổng cộng:</b>					<b>2.561,9</b>		<b>5.571.380.000</b>	